

Số: /UBND-NV

Triệu Sơn, ngày tháng 11 năm 2021

V/v hướng dẫn đánh giá,  
chấm điểm và xếp loại Chỉ  
số CCHC cấp xã năm 2021.

Kính gửi: Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.

Thực hiện Quyết định số 4308/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về Bộ tiêu chí và phương pháp xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Để có căn cứ xác định chỉ số cải cách hành chính cấp xã năm 2021. UBND huyện hướng dẫn một số nội dung cụ thể như sau:

**1. UBND cấp xã tự đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong “Bảng 3 - Bộ tiêu chí đánh giá, xác định Chỉ số CCHC cấp xã”**

- Bộ tiêu chí đánh giá, xác định Chỉ số CCHC cấp xã gồm 07 nội dung với 34 tiêu chí và 51 tiêu chí thành phần cụ thể là:

+ Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính gồm: 06 tiêu chí và 08 tiêu chí thành phần.

+ Tổ chức thực hiện văn bản pháp luật tại địa phương gồm: 03 tiêu chí và 06 tiêu chí thành phần.

+ Cải cách thủ tục hành chính gồm: 08 tiêu chí và 15 tiêu chí thành phần.

+ Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước gồm: 04 tiêu chí và 03 tiêu chí thành phần.

+ Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức gồm: 04 tiêu chí và 05 tiêu chí thành phần.

+ Cải cách tài chính công gồm: 04 tiêu chí và 03 tiêu chí thành phần.

+ Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử gồm: 05 tiêu chí và 11 tiêu chí thành phần.

- Thang điểm đánh giá chỉ số cải cách hành chính của UBND cấp xã là 100 điểm, cụ thể như sau:

+ Các đơn vị tự đánh giá, chấm điểm đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần: tối đa 82 điểm (Thang điểm đánh giá được xác định cụ thể đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần tại Bảng 3, Quyết định 4308/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa) (có hướng dẫn gửi kèm theo).

+ Điểm đánh giá qua điều tra, khảo sát hài lòng: tối đa 18 điểm (sử dụng kết quả khảo sát hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan đơn vị theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm

Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ). (*Lưu ý: Các đơn vị không tự đánh giá tiêu chí này; Tổ thẩm định công nhận và cho điểm trên cơ sở Báo cáo kết quả điều tra, khảo sát hài lòng hàng năm đã được Văn phòng UBND tỉnh, UBND huyện tổng hợp, công bố*).

**2. UBND xã, thị trấn xây dựng báo cáo gửi UBND huyện (qua Phòng Nội vụ) tổng hợp theo quy định, cụ thể:**

+ Báo cáo về tự đánh giá, xác định số cải cách hành chính xã, thị trấn (*mẫu biểu mẫu kèm theo*)

+ Nội dung báo cáo: Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính xã, thị trấn (*Mẫu tổng hợp kèm theo*)

+ Kiến nghị, đề xuất (nếu có)

**3. Về tài liệu kiểm chứng**

- Các tài liệu kiểm chứng gửi kèm theo Bảng tổng hợp để phục vụ cho công tác thẩm định gồm có: Các văn bản đã ban hành, kế hoạch, báo cáo, quyết định, tài liệu hướng dẫn, các số liệu thống kê... đã được cấp có thẩm quyền ban hành liên quan đến việc triển khai, thực hiện và kết quả đạt được trong công tác cải cách hành chính của năm báo cáo, được nêu tên tại cột tài liệu kiểm chứng của Bảng tổng hợp phục vụ cho việc tính điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần.

- Ngoài việc cung cấp các tài liệu kiểm chứng, các xã, thị trấn có thể bổ sung các tài liệu kiểm chứng khác (nếu có) đủ độ tin cậy để chứng minh kết quả tự đánh giá, chấm điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần.

- Đối với các nội dung không có tài liệu kiểm chứng hoặc tài liệu kiểm chứng không có đầy đủ thông tin kiểm chứng theo yêu cầu, các xã, thị trấn giải trình rõ về cách đánh giá, tính điểm tại các bảng đánh giá tiêu chí và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin giải trình.

- Các file của tài liệu kiểm chứng phải là văn bản điện tử có chữ ký số theo quy định hoặc văn bản giấy dưới dạng ảnh (*định dạng PDF*).

(*Tài liệu kiểm chứng khi nộp phải được chia thành từng lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần*).

4. UBND các xã, thị trấn hoàn thành Bảng đánh giá chỉ số CCHC và Báo cáo, tài liệu kiểm chứng gửi về UBND huyện (*qua phòng Nội vụ*) và địa chỉ Email: [quynhthom.apa@gmail.com](mailto:quynhthom.apa@gmail.com) trước ngày **06/12/2021** để tổng hợp.

Yêu cầu UBND các xã, thị trấn nghiêm túc triển khai, thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các phòng: TC-KH, Tư pháp, Văn phòng, Văn hóa Thông tin (để ph/h);
- Lưu: VT, NV.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Bùi Huy Dũng**

**TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ... CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

..., ngày tháng năm 20....

**BÁO CÁO**

**Về tự đánh giá, xác định chỉ số cải cách hành chính của ...năm 20...**

**I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI**

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

**1. Kết quả tự đánh giá**

<b>STT</b>	<b>Nội dung đánh giá</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
1	Công tác chỉ đạo điều hành	<b>14</b>	
2	Tổ chức thực hiện văn bản pháp luật tại địa phương	<b>7</b>	
3	Cải cách thủ tục hành chính	<b>15.5</b>	
4	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước	<b>9</b>	
5	Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức	<b>13</b>	
6	Cải cách tài chính công	<b>10</b>	
7	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử	<b>13.5</b>	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>82</b>	

**2. Tồn tại, hạn chế trong tự đánh giá**

**3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế**

**III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

Gửi kèm theo Báo cáo :

- Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính xã
- Danh mục tài liệu kiểm chứng

**BẢNG TỔNG HỢP****KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ, XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2021***(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /11/2021 của UBND xã.....)*

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
<b>I</b>	<b>ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP XÃ</b>	<b>82</b>			
<b>1</b>	<b>CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC</b>	<b>14</b>			
<b>1.1</b>	<b>Kế hoạch CCHC năm</b>	<b>3</b>			
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC năm kịp thời (trước ngày 15/01 hàng năm): - Ban hành kịp thời thì đánh giá là: 0,5 - Ban hành không kịp thời (trong Quý I năm đánh giá) thì đánh giá là: 0,25 - Không ban hành thì đánh giá là: 0	0,5			
1.1.2	Xác định đầy đủ các nhiệm vụ, sản phẩm, thời gian, phù hợp với kế hoạch CCHC của huyện, sát với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị; bố trí kinh phí triển khai: - Xác định đầy đủ nhiệm vụ và có bố trí kinh phí thì đánh giá là: 1 - Không xác định đầy đủ nhiệm vụ hoặc không bố trí kinh phí thì đánh giá là: 0	1			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
1.1.3	<p>Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC</p> <p>- Hoàn thành từ 80% đến 100% kế hoạch thì đánh giá theo công thức:</p> $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1.50}{100} \right]$ <p>- Hoàn thành dưới 80% kế hoạch thì đánh giá là: 0</p>	1,5			
1.2	<p><b>Thực hiện công tác báo cáo định kỳ:</b></p> <p>- Báo cáo đầy đủ về CCHC (04 BC) thì đánh giá là: 0,5</p> <p>- Báo cáo đầy đủ về thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính (04 BC) thì đánh giá là: 0,5</p> <p>- Báo cáo đầy đủ về về kiểm soát TTHC (04 BC) thì đánh giá là: 0,5</p> <p>- Báo cáo đầy đủ về kết quả kiểm tra, rà soát văn bản QPPL thì đánh giá là: 0,5</p> <p>- Báo cáo số lượng, chất lượng, đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã thì đánh giá là: 0,5</p> <p>- Các báo cáo khác theo yêu cầu của UBND cấp huyện thì đánh giá là: 0,5</p>	3			<p>Các báo cáo phải đáp ứng đầy đủ số lượng, nội dung, thời gian theo quy định. Nếu chậm 01 báo cáo thì điểm đánh giá là 0 điểm tương ứng với thang điểm của loại báo cáo đó.</p>
1.3	<b>Công tác tuyên truyền CCHC</b>	3			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
1.3.1	<p>Kế hoạch tuyên truyền CCHC (Có kế hoạch tuyên truyền CCHC riêng hoặc nằm trong kế hoạch CCHC năm):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kế hoạch thì đánh giá là: 1</li> <li>- Không có kế hoạch thì đánh giá là: 0</li> </ul>	1			
1.3.2	<p>Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành từ 80% đến 100% kế hoạch thì đánh giá theo công thức:  <math display="block">\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1,00}{100} \right]</math> </li> <li>- Hoàn thành dưới 80% kế hoạch thì đánh giá là: 0</li> </ul>	1			
1.3.3	<p>Mức độ đa dạng trong tuyên truyền</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các kênh truyền thống thì đánh giá là: 0,5</li> <li>- Thực hiện các hình thức tuyên truyền khác thì đánh giá là: 0,5</li> </ul>	1			
1.4	<b>Sáng kiến trong cải cách hành chính</b>	<b>3</b>			
1.4.1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có sáng kiến mới trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trong năm</li> <li>- Có từ 02 sáng kiến trở lên thì đánh giá là: 2</li> <li>- Có 01 sáng kiến thì đánh giá là: 1</li> <li>- Không có sáng kiến thì đánh giá là: 0</li> </ul>	2			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
1.4.2	Gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua, khen thưởng - Có thực hiện thì đánh giá là: 1 - Không thực hiện thì đánh giá là: 0	1			
1.5	<b>Thực hiện các nhiệm vụ được UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao</b> - Hoàn thành đúng tiến độ 100% nhiệm vụ được giao thì đánh giá là: 1 - Hoàn thành dưới 100% nhiệm vụ thì đánh giá theo công thức: $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1.00}{100} \right]$	1			
1.6	<b>Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH được giao</b> - 100% chỉ tiêu đạt và vượt thì đánh giá là: 1 - Dưới 100% chỉ tiêu đạt thì tính theo công thức: $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% chỉ tiêu hoàn thành} \times 1.00}{100} \right]$	1			
2	<b>TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN PHÁP LUẬT TẠI ĐỊA PHƯƠNG</b>	7			
2.1	<b>Triển khai văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) tại địa phương</b> - 100 % Văn bản QPPL do Trung ương, tỉnh, huyện ban hành được tổ chức triển khai thực hiện thì đánh giá là: 2 - Dưới 100 % Văn bản QPPL do Trung ương, tỉnh ban hành được tổ chức triển khai thực hiện thì đánh giá là: 0	2			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
2.2	<b>Thực hiện các hoạt động theo dõi, thi hành pháp luật</b>	<b>3</b>			
2.2.1	Ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật: - Có ban hành kế hoạch thì đánh giá là: 0,5 - Không ban hành kế hoạch thì đánh giá là: 0	0,5			
2.2.2	Báo cáo công tác theo dõi, thi hành pháp luật: - Báo cáo đầy đủ, đúng thời gian thì đánh giá là: 0,5 - Không báo cáo thì đánh giá là: 0	0,5			
2.2.3	Thực hiện các hoạt động về theo dõi, thi hành pháp luật: - Thu thập thông tin về tình hình theo dõi, thi hành pháp luật thì đánh giá là: 0,25 - Kiểm tra tình hình theo dõi, thi hành pháp luật thì đánh giá là: 0,25 - Điều tra, khảo sát tình hình theo dõi, thi hành pháp luật thì đánh giá là: 0,5	1			
2.2.4	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật: - Ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả theo dõi, thi hành pháp luật theo thẩm quyền thì đánh giá là: 1 - Không ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả theo dõi, thi hành pháp luật theo thẩm quyền thì đánh giá là: 0	1			
2.3	<b>Kiểm tra, rà soát, xử lý văn bản QPPL tại địa phương</b>	<b>2</b>			



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
2.3.1	Kiểm tra, rà soát văn bản QPPL: - Có thực hiện thì đánh giá là: 1 - Không thực hiện thì đánh giá là: 0	1			
2.3.2	Xử lý văn bản QPPL qua kiểm tra, rà soát: - 100% văn bản được xử lý thì đánh giá là: 1 - Không thực hiện thì đánh giá là: 0	1			
<b>3</b>	<b>CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>	<b>15,5</b>			
<b>3.1</b>	<b>Kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC)</b>	<b>1,5</b>			
3.1.1	Ban hành kế hoạch Kiểm soát TTHC theo quy định: - Ban hành kịp thời thì đánh giá là: 0,5 - Ban hành không kịp thời thì đánh giá là: 0,25 - Không ban hành thì đánh giá là: 0	0,5			
3.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch: - Hoàn thành từ 80% đến 100% kế hoạch thì đánh giá theo công thức: $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1,00}{100} \right]$ - Hoàn thành dưới 80% kế hoạch thì đánh giá là: 0	1			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
3.2	<b>Công khai TTHC</b>	<b>1</b>			
3.2.1	Công khai TTHC tại nơi tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC <i>- Đầy đủ, đúng quy định thì đánh giá là: 0,5</i> <i>- Không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0</i>	0,5			
3.2.2	Công khai TTHC trên trang Thông tin điện tử của đơn vị: <i>- Đầy đủ, đúng quy định thì đánh giá là: 0,5</i> <i>- Không đầy đủ hoặc không đúng quy định thì đánh giá là: 0</i>	0,5			
3.3	<b>Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị</b>	<b>2</b>			
3.3.1	Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền: <i>- Thực hiện đúng quy định thì đánh giá là: 1</i> <i>- Không thực đúng quy định thì đánh giá là: 0</i>	1			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
3.3.2	<p>Xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND đơn vị:</p> <p>- 100% số phản ánh, kiến nghị đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì đánh giá là: 0,75</p> <p>- Dưới 100% thì đánh giá theo công thức: <math display="block">\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% số phản ánh kiến nghị được giải quyết} \times 0,75}{100} \right]</math></p>	0,75			
3.3.3	<p>Công khai kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết</p> <p>- 100% kết quả xử lý hoặc kiến nghị xử lý được công khai thì đánh giá là: 0,25</p> <p>- Dưới 100% kết quả xử lý hoặc kiến nghị xử lý được công khai thì đánh giá là: 0</p>	0,25			
3.4	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>	<b>3</b>			
3.4.1	<p>Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa:</p> <p>- Đạt tỷ lệ 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã thì đánh giá là: 1</p> <p>- Dưới 100% số lượng TTHC thì đánh giá là: 0</p>	1			
3.4.2	<p>TTHC hoặc nhóm TTHC được thực hiện theo hình thức liên thông:</p> <p>- Có thực hiện thì đánh giá là: 1</p> <p>- Không thực hiện thì đánh giá là: 0</p>	1			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
3.4.3	Thực hiện quy định về tiếp nhận hồ sơ TTHC: - 100% hồ sơ được tiếp nhận đúng quy định (thành phần hồ sơ, phiếu hẹn...) thì đánh giá là: 1 - Dưới 100% hồ sơ được tiếp nhận đúng quy định thì đánh giá là: 0	1			
<b>3.5</b>	<b>Kết quả giải quyết thủ tục hành chính</b>	<b>4</b>			
3.5.1	Tỷ lệ TTHC được giải quyết đúng hạn theo quy định: - Đạt tỷ lệ 100% thì đánh giá là: 1 - Dưới 100% thì tính theo công thức: $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% TTHC giải quyết đúng hạn} \times 1.00}{100} \right]$	1			
3.5.2	Công khai kết quả giải quyết thủ tục hành chính: - Công khai tại trụ sở của UBND cấp xã thì đánh giá là: 0,5 - Công khai trên trang thông tin điện tử của UBND cấp xã thì đánh giá là: 0,5 - Công khai trên Cổng dịch vụ công của tỉnh thì đánh giá là: 1 - Không công khai thì đánh giá là: 0	2			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
3.5.3	<p>Số hóa kết quả giải quyết TTHC</p> <p>- Từ 80% đến 100% kết quả giải quyết TTHC được số hóa thì tính theo công thức:</p> <p style="text-align: center;"><math display="block">\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% kết quả giải quyết TTHC được số hóa} \times 1.00}{100} \right]</math></p> <p>- Dưới 80% thì đánh giá là: 0</p>	1			
3.6	<p><b>Công khai xin lỗi trong giải quyết TTHC :</b></p> <p>- 100% hồ sơ trễ hạn thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị được xin lỗi bằng văn bản thì đánh giá là: 1</p> <p>- Dưới 100% hồ sơ trễ hạn thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị được xin lỗi bằng văn bản thì đánh giá là: 0</p>	1			
3.7	<p><b>Thái độ phục vụ của cán bộ, công chức :</b></p> <p>- Không có công chức vi phạm, không có đơn thư phản ánh về công chức gây phiền hà, sách nhiễu thì đánh giá là: 1</p> <p>- Có đơn thư phản ánh về công chức gây phiền hà, sách nhiễu (đã qua xác minh) thì đánh giá là: 0</p>	1			
3.8	<p><b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị và mức độ hiện đại hóa của Bộ phận một cửa</b></p>	2			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
3.8.1	Diện tích phòng làm việc của bộ phận một cửa: - <i>Đảm bảo theo quy định thì đánh giá là: 1</i> - <i>Không đảm bảo theo quy định thì đánh giá là: 0</i>	1			
3.8.2	Trang thiết bị phòng làm việc bộ phận một cửa cấp xã được trang bị đầy đủ: - <i>Đảm bảo theo quy định thì đánh giá là: 1</i> - <i>Không đảm bảo theo quy định thì đánh giá là: 0</i>	1			
<b>4</b>	<b>CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC</b>	<b>9</b>			
<b>4.1</b>	<b>Thực hiện quy định của TW, UBND tỉnh về hệ thống chính quyền cơ sở</b>	<b>5</b>			
4.1.1	Thực hiện quy chế làm việc của UBND: - <i>Thực hiện đầy đủ, đúng quy định thì đánh giá là: 1</i> - <i>Thực hiện chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định thì đánh giá là: 0</i>	1			
4.1.2	Kiểm điểm thực hiện Quy chế làm việc hàng năm: - <i>Có báo cáo đánh giá kiểm điểm theo quy định thì đánh giá là: 2</i> - <i>Không báo cáo đánh giá kiểm điểm thì đánh giá là: 0</i>	2			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
4.1.3	Kết quả thực hiện Quy chế làm việc: - Không có CBCC vi phạm quy chế thì đánh giá là: 2 - Có CBCC vi phạm thì đánh giá là: 0	2			
4.2	<b>Thực hiện quy chế dân chủ và dân vận chính quyền ở đơn vị:</b> - Thực hiện đầy đủ, đúng quy định quy chế dân chủ thì đánh giá là: 1 - Thực hiện đầy đủ, đúng quy định công tác dân vận chính quyền thì đánh giá là: 1 - Không thực hiện thì đánh giá là: 0	2			
4.3	<b>Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại đơn vị:</b> - Sử dụng không vượt quá số lượng người làm việc được giao thì đánh giá là: 1 - Sử dụng vượt quá số lượng người làm việc được giao thì đánh giá là: 0	1			
4.4	<b>Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do UBND cấp tỉnh, cấp huyện phân cấp cho UBND cấp xã:</b> - Thực hiện đầy đủ các quy định thì đánh giá là: 1 - Không thực hiện đầy đủ các quy định thì đánh giá là: 0	1			
5	<b>XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC</b>	13			
5.1.	<b>Thực hiện cơ cấu cán bộ, công chức theo vị trí chức danh:</b> - Đúng quy định thì đánh giá là: 1	1			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
	- Không đúng quy định thì đánh giá là: 0				
<b>5.2</b>	<b>Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ, công chức cấp xã</b>	<b>4</b>			
5.2.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã: - Từ 80% đến 100% số công chức đạt chuẩn thì tính theo công thức: [ $\frac{\text{Tỷ lệ \% CC đạt chuẩn} \times 2.00}{100}$ ] - Dưới 80% số công chức cấp xã đạt chuẩn thì đánh giá là: 0	2			
5.2.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã: - Từ 80% đến 100% số cán bộ đạt chuẩn thì tính theo công thức: [ $\frac{\text{Tỷ lệ \% CC đạt chuẩn} \times 2.00}{100}$ ] - Dưới 80% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn thì đánh giá là: 0	2			
<b>5.3</b>	<b>Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm:</b> - Từ 70% số cán bộ, công chức trở lên thì đánh giá là: 2 - Dưới 70% thì đánh giá theo công thức: [ $\frac{\text{Tỷ lệ \% CBCC được bồi dưỡng} \times 2.00}{70}$ ]	<b>2</b>			
<b>5.4</b>	<b>Đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức</b>	<b>6</b>			



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
5.4.1	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, xếp loại công chức theo quy định: - <i>Đúng quy định thì đánh giá là: 2</i> - <i>Không đúng quy định thì đánh giá là: 0</i>	2			
5.4.2	Kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức: - <i>Từ 80% đến 100% thì đánh giá theo công thức: <math>\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% CBCC hoàn thành} \times 2.00}{100} \right]</math></i> - <i>Dưới 80% cán bộ, công chức được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên thì đánh giá là: 0</i>	2			
5.4.3	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức: - <i>Trong năm không có cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp xã bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên thì đánh giá là: 2</i> - <i>Trong năm nếu có cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp xã bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên thì đánh giá là: 0</i>	2			
<b>6</b>	<b>CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG</b>	<b>10</b>			
<b>6.1</b>	<b>Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách</b>	<b>6</b>			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
6.1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm: - Từ 80% đến 100% thì đánh giá theo công thức: $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 2.00}{100} \right]$ - Dưới 80% thì đánh giá là: 0	2			
6.1.2	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tài chính, ngân sách: - Từ 80% đến 100% số kiến nghị được thực hiện thì đánh giá theo công thức: $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% kiến nghị đã thực hiện} \times 2.00}{100} \right]$ - Dưới 80% số kiến nghị được thực hiện thì đánh giá là: 0	2			
6.1.3	Thực hiện quy định về sử dụng kinh phí nguồn ngân sách nhà nước (NSNN): - Không có sai phạm thì đánh giá là: 2 - Có sai phạm thì đánh giá là: 0	2			
6.2	<b>Thực hiện công khai dự toán, quyết toán ngân sách và các hoạt động tài chính xã:</b> - Thực hiện đúng quy định thì đánh giá là: 1 - Không đúng quy định thì đánh giá là: 0	1			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
6.3	<b>Công tác quản lý tài sản công:</b> - Đúng quy định thì đánh giá là: 1 - Không đúng quy định thì đánh giá là: 0	1			
6.4	<b>Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, đơn vị:</b> - Đã ban hành đầy đủ theo quy định thì đánh giá là: 2 - Có ban hành nhưng chưa đầy đủ theo quy định thì đánh giá là: 1 - Chưa ban hành thì đánh giá là: 0	2			
7	<b>XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ</b>	13,5			
7.1	<b>Ứng dụng công nghệ thông tin tại đơn vị</b>	4			
7.1.1	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT đúng thời gian quy định: - Có ban hành kế hoạch thì đánh giá là: 1 - Không ban hành thì đánh giá là: 0	1			
7.1.2	Triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc: - Đã thực hiện thì đánh giá là: 1 - Chưa thực hiện thì đánh giá là: 0	1			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
7.1.3	<p>Tỷ lệ văn bản trao đổi dưới dạng điện tử (trừ văn bản không được gửi nhận qua môi trường mạng):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% số văn bản được xử lý đúng quy trình trên phần mềm thì đánh giá là: 1</li> <li>- Dưới 100% số văn bản được xử lý đúng quy trình trên phần mềm thì đánh giá là: 0</li> </ul>	1			
7.1.4	<p>Tỷ lệ văn bản trao đổi dưới dạng điện tử sử dụng chữ ký số (trừ văn bản không được gửi nhận qua môi trường mạng):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạt 100% số văn bản thì đánh giá là: 1</li> <li>- Dưới 100% số văn bản thì đánh giá là: 0</li> </ul>	1			
<b>7.2</b>	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>	<b>2</b>			
7.2.1	<p>Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 75% số hồ sơ TTHC trở lên thì đánh giá là: 1</li> <li>- Dưới 75% số hồ sơ TTHC thì đánh giá theo công thức: <math>\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ} \times 1.00}{75} \right]</math></li> </ul>	1			
7.2.2	<p>Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 50% số hồ sơ TTHC trở lên thì đánh giá là: 1</li> <li>- Dưới 50% số hồ sơ TTHC thì đánh giá theo công thức: <math>\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ} \times 1.00}{50} \right]</math></li> </ul>	1			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
7.3	<b>Hoạt động của trang thông tin điện tử (TTĐT):</b> - Cập nhật thường xuyên, đầy đủ thì đánh giá là: 1 - Trang TTĐT không hoạt động hoặc không cập nhật đầy đủ thì đánh giá là: 0	1			
7.4	<b>Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)</b>	2,5			
7.4.1	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận hoặc trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI: - Từ 50% số TTHC trở lên có phát sinh hồ sơ thì đánh giá là: 1 - Dưới 50% TTHC thì đánh giá theo công thức: $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% số TTHC} \times 1.00}{50} \right]$	1			
7.4.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI: - Từ 15% số hồ sơ TTHC trở lên thì đánh giá là: 0,75 - Dưới 15% số hồ sơ thì đánh giá theo công thức: $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ} \times 0.75}{15} \right]$	0,75			
7.4.3	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI: - Từ 15% số hồ sơ TTHC trở lên thì đánh giá là: 0,75 - Dưới 15% số hồ sơ thì đánh giá theo công thức: $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ} \times 0.75}{15} \right]$	0,75			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
<b>7.5</b>	<b>Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001) theo quy định</b>	<b>4</b>			
7.5.1	Thực hiện triển khai, áp dụng theo quy định hiện hành: - Đã công bố HTQLCL áp dụng tại đơn vị thì đánh giá là: 2 - Chưa công bố HTQLCL áp dụng tại đơn vị thì đánh giá là: 0	2			
7.5.2	Kết quả thực hiện duy trì, cải tiến HTQLCL hằng năm tại đơn vị: - Được xếp loại Tốt thì đánh giá là: 2 - Được xếp loại Đạt yêu cầu thì đánh giá là: 1 - Được xếp loại Chưa đạt yêu cầu thì đánh giá là: 0	2			
<b>II</b>	<b>ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC</b>	<b>18</b>	Đơn vị không tự đánh giá		UBND cấp huyện thực hiện
	<b>Tổng I+II</b>	<b>100</b>			